

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YL
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 13/3/2020

*“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con
sau ly hôn”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YL, TỈNH PHÚ THỌ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Tuấn Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Xuân Trường

Ông Thẩm Văn Minh

Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Trung Hiếu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện YL, tỉnh Phú Thọ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện YL, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Hải – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện YL, tỉnh Phú Thọ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 269/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2019 về việc *“Ly hôn, tranh chấp nuôi con sau ly hôn”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 01 năm 2020. Giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T Sinh năm 1982

Bị đơn: Anh Đinh Văn C Sinh năm 1979

Cùng trú tại: Khu M, xã P, huyện YL, tỉnh Phú Thọ.

(Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt,
anh C vắng mặt lần 2 không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện đề ngày 16/12/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh C tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện YL, tỉnh Phú Thọ vào ngày 26/12/2002. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và cách xây dựng làm ăn kinh tế. Hai vợ chồng sống ly thân từ năm 2013 đến nay. Tình cảm vợ chồng không còn. Vì vậy, chị T đề nghị được ly hôn anh C để ổn định cuộc sống.

1.2. *Về con chung*: Quá trình chung sống, anh chị có 02 (hai) con chung: Cháu gái tên là Đinh Thị Thanh H, sinh ngày 26/6/2000 và cháu gái Đinh Thị Y, sinh ngày 08/12/2002. Hiện nay cháu H đã xây dựng gia đình riêng, cháu muốn ở với ai thì tùy cháu. Sau khi ly hôn chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Y và tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

1.3. *Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp*: Chị T xác nhận không có và không yêu cầu giải quyết.

2. *Bị đơn anh Đinh Văn C trong quá trình giải quyết vụ án* đã được cấp, tổng đạt, thông báo, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án, nhưng vẫn vắng mặt. Việc anh C vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nên không có quan điểm của bị đơn đối với yêu cầu của nguyên đơn.

3. *Tại bản tự khai ngày 18/12/2019 cháu Y đã trình bày* nếu bố mẹ cháu ly hôn thì cháu xin được ở với mẹ cháu (chị T) là hoàn toàn tự nguyện.

4. *Tại biên bản làm việc, xác minh ngày 14/01/2020 với đại diện*: UBND, Công an, Hội phụ nữ, Trưởng khu M, xã P, huyện YL đã cung cấp: Hiện nay anh C không có mặt tại địa phương, bố anh C già yếu, không minh mẫn, mẹ anh C đã chết. Anh C và chị T mâu thuẫn do anh C nhiều lúc uống rượu say về đánh vợ, hành vi này là bạo lực gia đình. Đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn, con chung muốn ở với ai thì theo quy định pháp luật.

5. *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện YL, tỉnh Phú Thọ phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án*:

Thẩm phán, thư ký, nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật trong quá trình thu thập, đánh giá chứng cứ từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử vụ án. Tại phiên tòa thành phần Hội đồng xét xử đúng với quyết định thay đổi Hội thẩm nhân dân xét xử, Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật. Bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật. Tòa án đã lập thủ tục cấp, tổng đạt, thông báo đầy đủ văn bản tố tụng và đúng quy định pháp luật.

Đề xuất hướng xử lý giải quyết vụ án: Chị T và anh C cưới có đăng ký kết hôn, là vợ chồng từ năm 2002. Trong quá trình chung sống hai bên hòa thuận, hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân không thể kéo dài. Hai bên đã ly thân từ năm 2013 đến nay, hiện nay chị T có nguyện vọng yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T, xử cho chị T được ly hôn anh C. Về con chung: Đề nghị áp dụng khoản 1,2 Điều 81,82 và 83 Luật hôn nhân gia đình, giao cháu Đinh Thị Y, sinh ngày 08/12/2002 cho chị T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Chị T tự nguyện không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con. Cháu H đã trưởng thành, có gia đình riêng nên cháu muốn ở với ai thì tùy cháu.

Đối với quan hệ về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết. Về án phí ly hôn, chị T phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về trình tự, thủ tục tố tụng*: Chị Nguyễn Thị T có đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án nhân dân huyện YL, tỉnh Phú Thọ giải quyết cho chị xin ly hôn với anh Đinh Văn C. Căn cứ khoản 1, Điều 28 và điểm a, khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện YL, tỉnh Phú Thọ. Tòa án đã cấp, tổng đạt, thông báo, niêm yết hợp lệ đối với anh C: Biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định tại các Điều 171, 172, 173, 174, 175 và 177 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay chị T có đơn xin xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh C vẫn tiếp tục vắng mặt lần 2 theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng theo điểm a, điểm b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Ngày 26/12/2002, chị Nguyễn Thị T và anh Đinh Văn C cưới, đã đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện YL, tỉnh Phú Thọ, đây là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được nhiều năm sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và cách xây dựng làm ăn kinh tế. Từ năm 2013 đến nay anh, chị đã sống ly thân, không quan tâm đến nhau. Bên cạnh đó, Tòa án cũng đã có biên bản làm việc, xác minh với đại diện các tổ chức đoàn thể của xã P (Bút lục số 32) như đại diện: Hội phụ nữ, Trưởng khu, Công an và UBND xã đã thể hiện quan điểm chung là đề nghị giải quyết cho chị T được ly hôn anh C.

Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh C đã đến mức trầm trọng, đời sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh C là phù hợp.

[3] *Về con chung*: Trong quá trình chung sống, vợ chồng chị T, anh C có 02 (hai) con chung là Đinh Thị Thanh H, sinh ngày 26/6/2000 và Đinh Thị Y, sinh ngày 08/12/2002. Hiện nay cháu H đã xây dựng gia đình riêng, cháu muốn ở với ai thì tùy cháu. Khi ly hôn chị T xin được trực tiếp chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cháu Y đến khi thành niên và tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Đây là yêu cầu chính đáng và phù hợp với nguyện vọng của cháu Yên, phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[4] *Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp*: Tại đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án chị T không đề nghị Tòa án giải quyết các quan hệ nêu trên. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] *Về án phí ly hôn sơ thẩm*: Chị T là nguyên đơn nên phải chịu theo quy định của pháp luật.

[6] *Về quyền kháng cáo*: Chị Nguyễn Thị T và anh Đinh Văn C được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56,57,58, khoản 1,2 Điều 81,82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

[1] *Về quan hệ hôn nhân:* Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Đinh Văn C.

[2] *Về con chung:* Xác nhận anh chị có 02 (hai) con chung là Đinh Thị Thanh H, sinh ngày 26/6/2000 và Đinh Thị Y, sinh ngày 08/12/2002. Hiện nay cháu H đã trưởng thành và có gia đình riêng. Giao cháu Y cho chị T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng đến khi thành niên. Chị T tự nguyện không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung. Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[3] *Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp:* Chị T xác nhận không có và không yêu cầu giải quyết.

[4] *Án phí ly hôn sơ thẩm:* Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 VNĐ (Ba trăm nghìn đồng). Xác nhận chị T đã nộp 300.000 VNĐ (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai số AA/2018/0001259 ngày 16/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện YL, tỉnh Phú Thọ. Nay được chuyển thành án phí.

[5] *Về quyền kháng cáo:* Các bên đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết nơi đương sự cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã Đ, huyện YL, tỉnh Phú Thọ (vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP (08b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Tuấn Anh